

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

A. TÁC GIẢ

I. TIỂU SỬ

- Hồ Chí Minh (1890 – 1969), quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
- Tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung, khi dạy học, Người lấy tên là Nguyễn Tất Thành, thời gian hoạt động lấy tên là Nguyễn Ái Quốc và nhiều tên khác.
 - Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước.
 - Thuở nhỏ, Người học chữ Hán, sau đó học chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp ở Trường Quốc học Huế.
 - 1910: Người dạy học ở Trường Dục Thanh – Phan Thiết.
 - 1911: Người ra nước ngoài tìm đường cứu nước.
 - 1918: thành lập Hội những người Việt Nam yêu nước.
 - 1919: Người gửi tới Hội nghị hòa bình họp ở Véc-xay (Pháp) bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* kí tên là Nguyễn Ái Quốc.
 - 1920: Người tham gia đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp.
 - 1925: tham gia thành lập Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội.
 - 1930: Người thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hương Cảng (Hong Kông).
 - 1941: thành lập Mặt trận Việt Minh, trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi.
 - 2-9-1945: Người đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại quảng trường Ba Đình, khai sinh ra nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa.
 - 1946: trong phiên họp đầu tiên của quốc hội, Người được bầu làm Chủ tịch nước. Tiếp đó, Người lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.
 - 1990: Người được UNESCO công nhận là *Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa lớn*.

II. SỰ NGHIỆP VĂN HỌC

1. Quan điểm sáng tác

a. HCM xem văn học là một vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp

cách mạng

Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận:

Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong

(Cảm tưởng đọc *Thiên gia thi*)

Chất thép ở đây chính là tính chiến đấu của thơ ca. Người đã khẳng định *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.*

b. HCM luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học

- Người yêu cầu văn nghệ sĩ phải *miêu tả cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn những đề tài phong phú của đời sống. Nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc, phải có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.*

- Hồ Chí Minh đề cao sự sáng tạo của người nghệ sĩ. Người nhắc nhở *chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo.*

c. Khi cầm bút, Hồ Chí Minh luôn xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm.

Người luôn đặt câu hỏi *viết cho ai?* (đối tượng), *viết để làm gì?* (mục đích), *viết cái gì?* (nội dung), *viết như thế nào?* (hình thức).

2. Di sản văn học

Hồ Chí Minh để lại cho nhân dân ta một sự nghiệp văn chương rất phong phú, gồm nhiều thể loại và phong cách khác nhau. Các tác phẩm khi viết bằng tiếng Pháp, khi viết bằng tiếng Hán, khi viết bằng tiếng Việt. Đáng chú ý nhất là các tác phẩm chính luận, truyện kí, thơ ca; trong đó văn chính luận chiếm khối lượng lớn nhất.

a. Văn chính luận

- Tác phẩm tiêu biểu: *Bản án chế độ thực dân Pháp, Tuyên ngôn Độc lập, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.*

- Nội dung:

+ Tố cáo tội ác, sự tàn bạo và sự lừa dối của thực dân Pháp đối với các nước thuộc địa, kêu gọi những người nô lệ, bị áp bức liên hiệp lại đấu tranh (*Bản án chế độ thực dân Pháp*)

+ Thể hiện tình cảm cao đẹp của Người đối với dân tộc, nhân dân và nhân loại; thể hiện sâu sắc tiếng gọi thiêng liêng của đất nước trong những giờ phút thử thách đặc biệt của dân tộc (*Tuyên ngôn Độc lập, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*)

- Nghệ thuật: văn chính luận của Người giàu chất trí tuệ, tác phẩm thường ngắn gọn, súc tích, lập luận sắc sảo, chặt chẽ, tính luận chiến cao. Tùy mục đích và đối tượng mà Người dùng lời lẽ đanh thép hùng hồn hay ôn tồn, thân mật, thấu tình đạt lý...

b. Truyện và kí

- Tác phẩm tiêu biểu: *Lời than vãn của bà Trưng Trắc, Vi hành, Con rồng tre*. Các tác phẩm được sáng tác vào những năm hai mươi (1920 – 1925) và viết bằng tiếng Pháp.

- Nội dung: vạch trần tội ác, âm mưu đen tối của thực dân Pháp và bọn tay sai bán nước (nv Khải Định, Va-ren); đồng thời thể hiện lòng yêu nước nồng nàn và tự hào về dân tộc Việt Nam anh hùng (nv Phan Bội Châu). Những bài bút kí thể hiện cái tôi trẻ trung giản dị, đầy nhiệt huyết của HCM (Tp *Vừa đi đường vừa kể chuyện*)

- Nghệ thuật: Các tác phẩm này thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ, nghệ thuật trào phúng sắc bén, có cốt truyện sáng tạo, sự tưởng tượng độc đáo, lời kể chuyện dí dỏm, linh hoạt. Khi viết cho người Pháp đọc, Người viết theo phong cách Châu Âu hiện đại. Khi viết cho đồng bào mình, Người chọn lối viết truyền thống.

c. Thơ ca

Gồm hai loại: thơ tuyên truyền cách mạng và thơ trữ tình

- Thơ trữ tình: nổi bật nhất là *Nhật kí trong tù* (Ngục trung nhật kí), là tập nhật kí bằng thơ viết trong nhà tù. Bác Hồ viết khi Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch vô cớ bắt giam tại Quảng Tây – Trung Quốc từ tháng 8-1942 đến tháng 9-1943. Tập thơ gồm 134 bài. Những tác phẩm này hầu hết là thơ tứ tuyệt. tập thơ tái hiện và phê phán bộ mặt tàn bạo của chế độ nhà tù Quốc dân đảng và một phần xã hội Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch; đồng thời, tác phẩm còn phản ánh tâm hồn và nhân cách cao đẹp của Hồ Chí Minh.

- Các tác phẩm thể hiện một tâm hồn nghệ sĩ phong phú, tinh tế trước vẻ đẹp của tạo vật và tình người.

- Nghệ thuật: thơ ca của Hồ Chí Minh giản dị mà hàm súc, uyên thâm, giàu tính nghệ thuật, có sự kết hợp hài hòa giữa cổ điển và hiện đại, giữa chất thép và chất tình. Thơ tuyên truyền cách mạng thì hình thức giản dị, dễ nhớ, mang màu sắc dân gian hiện đại như vè, thơ châm ngôn; thơ nghệ thuật thì súc tích, uyên thâm.

3. Phong cách nghệ thuật

- Hồ Chí Minh có phong cách nghệ thuật độc đáo, phong phú và đa dạng. Người sáng tác nhiều thể loại khác nhau. Ở mỗi thể loại, Người đều có một phong cách riêng, cách viết riêng hấp dẫn, độc đáo (tùy mục đích và đối tượng):

+ Văn chính luận: văn chính luận của người giàu chất trí tuệ; tác phẩm thường ngắn gọn, súc tích, lập luận sắc sảo, chặt chẽ, tính luận chiến cao, bút pháp đa dạng. Tùy mục đích và đối tượng mà Người dùng lí lẽ đanh thép hùng hồn hay ôn tồn, thân mật, thấu tình đạt lí...

+ Truyện và kí: các tác phẩm này thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ, nghệ thuật trào phúng sắc bén, có cốt truyện sáng tạo, sự tưởng tượng độc đáo, lối kể chuyện dí dỏm, linh hoạt. Khi viết cho người Pháp đọc, Người viết theo phong cách Châu Âu hiện đại. Khi viết cho đồng bào mình, Người chọn lối viết truyền thống.

+ Thơ tuyên truyền cách mạng thì hình thức giản dị, dễ nhớ, mang màu sắc dân gian hiện đại như vè, thơ châm ngôn, có sự tác động lớn. Thơ nghệ thuật thì súc tích, uyên thâm, giàu tính nghệ thuật; có sự kết hợp hài hòa giữa cổ điển và hiện đại, giữa chất thép và chất tình.

- Phong cách nghệ thuật HCM phong phú, đa dạng mà thống nhất. Đó là cách viết ngắn gọn, trong sáng, giản dị, sử dụng linh hoạt các thủ pháp và bút pháp nghệ thuật khác nhau nhằm thể hiện một cách nhuần nhuyễn và sâu sắc nhất tư tưởng và tình cảm của người cầm bút.

- Tư tưởng và hình tượng nghệ thuật trong các tác phẩm luôn luôn vận động, hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai.

B. TÁC PHẨM

1. Hoàn cảnh sáng tác.

- Thế giới: phe đồng minh chiến thắng phe phát xít

- Trong nước:

+ Ngày 19-8-1945: cách mạng tháng Tám thắng lợi ở Hà Nội, chính quyền ở Hà Nội về tay nhân dân.

+ Ngày 26-8-1945: Bác Hồ từ Việt Bắc trở về Hà Nội. Tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang Bác đã soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập* tại số nhà 48 phố Hàng Ngang.

+ Ngày 2-9-1945: tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Bác Hồ thay mặt chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* trước hàng chục vạn đồng bào.

+ Khi đó, bọn Quốc dân đảng Trung Quốc (phía Bắc) và thực dân Pháp (phía Nam) đang lăm le xâm chiếm nước ta.

Để chuẩn bị cho cuộc xâm lược này, Pháp đã tung ra thế giới một luận điệu xảo trá: Đông Dương vốn là thuộc địa của Pháp, chúng có công *khai hóa, bảo hộ* xứ này nhưng bị phát xít Nhật xâm chiếm, nay Nhật bị đồng minh đánh bại thì Pháp trở lại Đông Dương là lẽ đương nhiên.

2. Mục đích, đối tượng.

a. Mục đích

- Tuyên bố với nhân dân Việt Nam, nhân dân thế giới về quyền độc lập tự do của mỗi quốc gia và sự ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Vạch trần luận điệu xảo trá, bịp bợm của thực dân Pháp và các nước đế quốc
- Tranh vũ sự ủng hộ đồng tình của các nước thế giới.

b. Đối tượng

- Nhân dân Việt Nam
- Nhân dân thế giới
- Đế quốc thực dân

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lí của văn bản Tuyên ngôn.

Mở đầu bản tuyên ngôn Bác đã trích dẫn hai bản tuyên ngôn “Tuyên ngôn độc lập” của Mỹ (1776), Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp (1791):

+ *Tất cả mọi người sinh ra có quyền bình đẳng... quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.*

+ *Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.*

Việc trích dẫn này có nhiều ý nghĩa sâu sắc:

Hai bản tuyên ngôn này là kết quả của những cuộc cách mạng lớn thế giới, là niềm tự hào của loài người tiến bộ; là chân lí của nhân loại mà ai cũng phải thừa nhận.

→ Cách mở đầu này vừa tỏ ra trân trọng những chân lí bất hủ của người Pháp và người Mỹ, vừa nhắc nhở và răn đe nếu Pháp quay trở lại xâm lược nước ta thì chúng đã phản bội tổ tiên, là kẻ bất nghĩa.

=> Ý nghĩa: Ngăn chặn âm mưu xâm lược nước ta của bọn thực dân và đế quốc.

=> *Bác đã đặt ba bản tuyên ngôn, ba cuộc cách mạng, ba nền độc lập ngang nhau thể hiện niềm tự hào dân tộc.*

2. Cơ sở thực tiễn.

❖ Bác đã bác bỏ luận điệu “khai hóa” của Pháp bằng cách chỉ ra những bằng chứng cụ thể:

- Về chính trị:

- + *Chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.*
- + *Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.*
- + *Chúng lập nhà tù nhiều hơn trường học.*
- + *Chém giết những người yêu nước thương nòi của ta.*
- + *Chúng tắm những cuộc khởi nghĩa của ta trong bể máu.*

- Về văn hóa, xã hội:

- + *Chúng dùng rượu, thuốc phiện làm cho nòi giống ta bị suy nhược.*
- + *Thi hành chính sách ngu dân.*
- + *Chúng ràng buộc dư luận.*

- Về kinh tế:

- + *Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế.*
- + *Bóc lột nhân dân ta đến xương tủy.*
- + *Chúng cướp không hầm mỏ, nguyên liệu.*

❖ Bác đã bác bỏ luận điệu Pháp có công “bảo hộ” nước ta:

- Trong 5 năm, Pháp đã bán nước ta hai lần cho Nhật:

+ *Mùa thu năm 1940 Nhật tấn công Đông Dương → Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa rước Nhật vào nước ta.*

+ *9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp → Pháp hoặc đầu hàng, hoặc bỏ chạy, khi bỏ chạy còn giết nốt tù chính trị của ta ở Cao Bằng, Yên Bái.*

❖ Bác đã bác bỏ luận điệu “Việt Nam là vẫn thuộc địa của Pháp”.

- Sự thật là từ mùa thu năm 1940 nước ta đã là thuộc địa của Nhật chứ không phải của Pháp.

- Dân ta đã lấy lại nước ta từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp.

=> **Giọng văn hùng hồn, lập luận chặt chẽ → thấy được bản chất của Pháp.**

3. Tuyên bố độc lập.

- Tuyên bố thoát li hẳn quan hệ với thực dân Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

- Khẳng định toàn dân Việt Nam trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của TDP quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy.

=> **Lí lẽ xác đáng, giọng văn mạnh mẽ đã khẳng định lập trường kiên định của dân tộc, khẳng định ý chí bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.**

TÂY TIẾN

QUANG DŨNG

I. TÌM HIỂU CHUNG.

1. Tác giả.

- QD là một nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh và sáng tác nhạc.
- Hồn thơ Quang Dũng phóng khoáng, lãng mạn, táo hoa.
- Các tác phẩm chính: tập thơ Mây đầu ô, Thơ văn Quang Dũng.

2. Tác phẩm.

a. Giới thiệu về binh đoàn Tây Tiến (SGK)

b. Hoàn cảnh sáng tác (SGK)

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi

1. Nhớ chặng đường hành quân

a. Hai câu đầu:

- Điệp từ “nhớ” → nhấn mạnh và tăng chiều sâu cảm xúc.
- Nỗi nhớ của QD được gửi vào ba đối tượng:
 - + “Sông Mã”: người bạn, chứng nhân lịch - “Tây Tiến ơi” → nhớ về đồng đội.
 - + “nhớ về rừng núi”: thiên nhiên TB
- Cách nói sáng tạo: “Nhớ chơi vơi”.

	- Vần “ôi” (vần mở): gợi sự ngân xa, kéo dài của cảm xúc nơi người đọc, người nghe. => Hai câu thơ đầu chưa nói về chặng đường hành quân mà chỉ khơi nguồn để nói về nỗi nhớ. Cảm xúc chủ đạo bao trùm hai câu thơ là nỗi nhớ về đoàn binh TT.
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi Mường Lát hoa về trong đêm hơi	b. Những câu thơ còn lại. - “Sài Khao”, “Mường Lát” → là những địa danh xa xôi và hẻo lánh. - Lính TT hành quân trong điều kiện vô cùng khắc nghiệt “sương lấp”, “đêm hơi”, thời gian từ sáng sớm đến đêm khuya. - Hình ảnh “đoàn quân mỏi” cho thấy sự mệt mỏi. Sự mệt mỏi có thể làm khuya bước chân của người lính TT - Hình ảnh : “Hoa về” (ẩn dụ, nhân hóa). + Mỗi người lính TT như một bông hoa rừng ngát hương. + Thiên nhiên là bạn với người lính. + Cách nói sáng tạo “hoa về” mà không phải hoa nở, “đêm hơi” chứ không phải đêm sương.→ tâm hồn bay bổng, lãng mạn của lính TT. => Người lính phải hành quân qua các núi rừng hoang vu khắc nghiệt → ý chí mạnh mẽ và tâm hồn bay bổng của người chiến sĩ.
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm Heo hút cồn mây, súng ngửi trời Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống	- Những từ ngữ giàu giá trị tạo hình: “khúc khuỷu”, “thăm thẳm”, “cồn mây”, “súng ngửi trời” → cảnh núi cao, dốc sâu, vực thẳm. - Hàng loạt thanh trắc→ con đường hành quân đầy hiểm nguy hiểm và gian nan. - Điệp từ “dốc” → sự hiểm trở, trùng điệp của núi đồi Tây Bắc. - Hình ảnh “súng ngửi trời” là một hình ảnh đầy sáng tạo thể hiện quyết tâm chiếm lĩnh mọi tầm cao đồng thời cho thấy nét táo tợn hài hước, trí tưởng tượng phong phú của lính TT.

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi	“ Ngàn thước lên cao,/ ngàn thước xuống” + Nhịp ngắt bề đôi → địa hình đối lập: cao vùn vụt>< sâu thăm thẳm. + Tiêu đối: <i>ngàn thước lên cao/ ngàn thước xuống</i> → nguy hiểm tột cùng => Con đường hành quân gian khổ, nguy hiểm → ngạo nghễ, hiên ngang của người lính. Câu thơ: “<i>Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi</i>”. - Hình ảnh những ngôi nhà sàn thấp thoáng trong màn mưa rừng. - Câu thơ sử dụng toàn thanh bằng → cảm giác lâng lâng, bình yên đến lạ thường. => Bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội nhưng cũng rất nên thơ → lòng quả cảm của người lính đồng thời cũng cho thấy tâm hồn bay bổng, lãng mạn của người lính TT.
“Anh bạn dãi dầu không bước nữa Gục lên súng mũ bỏ quên đời.”	- Sử dụng nghệ thuật nói giảm : “ <i>không bước nữa</i>”, “<i>gục lên súng mũ</i>”, “<i>bỏ quên đời</i>” → cái chết → cái chết đậm bi hùng: chết trong tư thế đẹp, ôm chắc cây súng trong tay. => Câu thơ nói đến cái mất mát, hi sinh nhưng ko bi lụy mà trái lại có niềm tự hào: các anh ngã xuống vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc.
Chiều chiều oai linh thác gầm thét Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người	- Âm thanh: “ <i>thác gầm thét</i>”; “<i>cọp trêu người</i>” → hoang sơ, man dại của núi rừng. - Thời gian: “<i>chiều chiều</i>”, “<i>đêm đêm</i>” → thường xuyên đối mặt với nguy hiểm của rừng thiêng nước độc.
Nhớ ôi Tây tiến cơm lên khói Mai Châu mùa em thơm nếp xôi	- Hình ảnh của “ <i>Cơm lên khói</i>”, “ <i>thơm nếp xôi</i>” → gợi ra những kỉ niệm ngọt ngào, đầm ấm với người dân. - Thán từ: “<i>Nhớ ôi</i>” → nỗi nhớ da diết. - Cách nói “ <i>mùa em</i>” → lãng mạn, tình tứ. => Nỗi nhớ da diết về những kỉ niệm ngọt ngào
Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa Kìa em xiêm áo tự bao giờ	2. Nhớ về tình quân

Khèn lên man điệu nàng e ấp Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ	<u>a. Đêm hội liên hoan</u> - “<i>Bừng lên</i>”: niềm vui sướng của người lính TT. - Hình ảnh sơn nữ với “<i>xiêm áo</i>” lộng lẫy, dáng điệu “<i>e ấp</i>” trong vũ điệu đậm màu sắc rừng núi khiến cho người lính vui sướng, xao xuyến. - Câu hỏi tu từ “<i>tự bao giờ</i>” → thể hiện sự ngạc nhiên và tâm trạng say đắm, ngỡ ngàng, pha chút tình nghịch của người lính. - “<i>Xây hồn thơ</i>”: dư âm của liên hoan văn nghệ sẽ theo người lính TT, nâng đỡ các anh về mặt tinh thần để các anh có thể vững bước trên đường hành quân dù biết phía trước có nhiều gian lao thử thách. => <i>Cảnh và người như hòa trong men say, tình tứ, ngây ngất, rạo rực. → Chính điều này sẽ chắp cánh tâm hồn, tiếp sức cho người chiến sĩ.</i>
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy Có thấy hồn lau nẻo bến bờ Có nhớ dáng người trên độc mộc Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa	<u>b. Cảnh sông nước Tây Bắc</u> - Hình ảnh “<i>sương</i>”, “<i>lau</i>”; “<i>dáng người trên độc mộc</i>”, “<i>hoa đong đưa</i>” → nét đặc trưng của thiên nhiên Tây Bắc. - Điệp khúc “<i>có nhớ</i>”, “<i>có thấy</i>” → nỗi nhớ tha thiết; nỗi niềm hoài niệm, man mác, bàng khuâng. => <i>Bút pháp lãng mạn, miêu tả tài hoa → thiên nhiên hữu tình; tâm hồn gắn bó với cảnh, với người Tây Bắc.</i>
Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc Quân xanh màu lá dữ oai hùm	3. Bức tượng đài về người lính TT. <u>a. Vẻ đẹp ngoại hình</u> - Hình ảnh đoàn binh “<i>không mọc tóc</i>”, “<i>quân xanh màu lá</i>” → vẻ ngoài tiêu tụy, xơ xác → cuộc sống gian khổ, bệnh tật và thiếu thốn. - Ẩn dụ “<i>dữ oai hùm</i>” → sức mạnh tinh thần, ý chí, khí chất bên trong dữ tợn hùm thiêng khiến cho kẻ thù phải khiếp sợ, kinh hồn bạt vía. => <i>Lòng yêu nước và ý chí kiên cường của người lính.</i>
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm	<u>b. Vẻ đẹp tâm hồn</u> - Hình ảnh “<i>mắt trừng</i>” → thể hiện sự dữ dội, quyết liệt về giấc mộng lập công, chiến đấu để giành độc

	lập, tự do cho Tổ quốc. - “<i>dáng kiều thơm</i>”: vẻ đẹp yêu kiều của thiếu nữ Thủ đô. - Hai từ “<i>mộng</i>”, “<i>mơ</i>” → tâm hồn giàu mộng tưởng, ước vọng của những chàng trai Hà thành. => <i>Tâm hồn lãng mạn, tha thiết yêu thương của bộ đội TT.</i>
Rải rác biên cương mồ viễn xứ Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh	<u>c. Vẻ đẹp lý tưởng</u> - Hình ảnh những nấm mồ rải rác nơi biên cương → gợi ra khung cảnh ảm đạm thê lương. - Ẩn dụ “<i>đời xanh</i>” → tuổi trẻ - Cụm từ “<i>chẳng tiếc</i>” → thể hiện một thái độ tự nguyện, dứt khoát như một lời thề sông núi. => <i>Tinh thần xả thân vì nước của người chiến sĩ.</i>
Áo bào thay chiếu, anh về đất Sông Mã gầm lên khúc độc hành	<u>d. Sự hi sinh cao cả.</u> - Hình ảnh “<i>áo bào</i>” → trang trọng. - Nói giảm “<i>về đất</i>” → vui đi mất mát, đau thương. - “<i>Sông Mã gầm lên</i>” → Nổi đau tột cùng. - Nhiều từ Hán Việt: “<i>áo bào</i>”, “<i>viễn xứ</i>”, “<i>biên cương</i>”, “<i>khúc độc hành</i>” → gợi sự trang nghiêm. => <i>Ca ngợi sự hi sinh cao cả mà bình dị, thầm lặng của người lính TT- sự hi sinh trở thành bất tử. (bi tráng)</i>
Tây Tiến người đi không hẹn ước Đường lên thăm thẳm một chia phôi Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.	4. Lời thề gắn bó của lính TT. - Cụm từ “<i>ko hẹn ước</i>”, “<i>chia phôi</i>”, “<i>chẳng về</i>” → khẳng định tinh thần một đi ko trở lại. - Giọng điệu băng khuâng mà hào hùng, đầy khí phách.

VIỆT BẮC

A. TÁC GIẢ

I. TIỂU SỬ

- Tố Hữu (1920 – 2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, quê Thừa Thiên Huế.

- Thời thơ ấu: Tố Hữu xuất thân trong một gia đình nhà Nho nghèo, ở Huế - mảnh đất thơ mộng, trữ tình và còn lưu giữ được nhiều nét văn hóa dân gian.

- Thời thanh niên: Tố Hữu sớm giác ngộ cách mạng và hăng say hoạt động, kiên cường đấu tranh trong các nhà tù thực dân.
- + 1938: được kết nạp vào Đảng.
- + 1939: bị Pháp bắt giam tại nhà lao Thừa Thiên, rồi lần lượt bị giam giữ trong nhiều nhà tù khác ở miền Trung và Tây Nguyên.
- + 1942: vượt ngục Đắc Lay (Kon Tum), tiếp tục hoạt động cách mạng.
- 1945 – 1975: tham gia kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, đảm nhiệm những cương vị trọng yếu trên mặt trận văn hóa văn nghệ.
- 1976 – 1986: giữ nhiều chức vụ quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.
- 1966: được nhà nước phong tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

II. ĐƯỜNG CÁCH MẠNG, ĐƯỜNG THƠ

Những chặng đường thơ của Tố Hữu luôn gắn bó với những chặng đường cách mạng của bản thân nhà thơ với những giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam. Con đường thơ Tố Hữu thể hiện qua 5 tập thơ chính “*Từ ấy*”, “*Việt Bắc*”, “*Gió lộng*”, “*Ra trận*”, “*Máu và hoa*”

1. Tập thơ “Từ ấy” (1937 – 1946)

- “*Từ ấy*” là chặng đường đầu tiên của nhà thơ Tố Hữu, đánh dấu bước trưởng thành của người thanh niên quyết tâm đi theo ngọn cờ của Đảng.
- Tập thơ gồm 3 phần: “*Máu lửa*”, “*Xiềng xích*”, “*Giải phóng*”. Trong đó phần “*Xiềng xích*” là đặc sắc hơn cả.

2. Tập thơ “Việt Bắc” (1946 – 1954)

- Đây là tập thơ được sáng tác trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp. Tập thơ là tiếng ca hùng tráng về cuộc kháng chiến chống Pháp và những con người kháng chiến, đặc biệt là ca ngợi Đảng và Bác Hồ.
- Là một trong những thành tựu đặc sắc của văn học thời kháng chiến chống Pháp.

3. Tập thơ “Gió lộng” (1955 – 1961)

Là tập thơ sáng tác trong thời kì miền Bắc đã được giải phóng. Tập thơ tập trung thể hiện niềm vui, tự hào về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thể hiện tình cảm sâu nặng với miền Nam, ý chí đấu tranh thống nhất đất nước của nhân dân hai miền Nam, Bắc.

4. Tập thơ “Ra trận” (1962 – 1971), “Máu và hoa” (1972 – 1977)

Đây là chặng đường thơ Tố Hữu trong những năm kháng chiến chống Mĩ.

- + “*Ra trận*”: bản hùng ca về nhân dân miền Nam anh dũng.
- + “*Máu và hoa*”: ghi lại chặng đường cách mạng gian khổ, hi sinh, khẳng định niềm tin vào tương lai; biểu hiện niềm tự hào khi quê hương toàn thắng.

5. Thơ Tố Hữu từ 1978 đến nay:

Tập thơ “*Một tiếng đờn*” (1992), “*Ta với ta*” (1999) thể hiện những chiêm nghiệm về cuộc đời và con người. Giọng thơ trầm lắng, thấm đượm suy tư, kiên định lí tưởng cách mạng.

III. PHONG CÁCH THƠ TỐ HỮU

1. Thơ Tố Hữu mang tính chất trữ tình chính trị sâu sắc

- Tố Hữu là thi sĩ – chiến sĩ. Thơ Tố Hữu là để phục vụ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng. Thơ ông viết về đời sống cách mạng, về lí tưởng, về sự kiện lịch sử. Nhân vật trữ tình trong thơ là những người đại diện cho giai cấp, cho dân tộc.

- Thơ Tố Hữu luôn hướng tới cái ta chung với lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người cách mạng, của cả dân tộc. Nói chung, chính trị là nguồn cảm hứng trong các sáng tác của ông; nhưng chính trị đậm chất trữ tình và thấm đẫm cảm xúc chứ không phải chính trị khô khan. Có lẽ chính vì vậy mà thơ chính trị của thơ Tố Hữu như một lời tâm tình tha thiết giữa anh em, vợ chồng...

2. Thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi và cảm hứng lãng mạn

3. Thơ Tố Hữu có giọng điệu riêng rất dễ nhận ra, đó là giọng thơ tâm tình đầm ấm, chân thành, thể hiện tình cảm yêu thương triu mến

4. Thơ Tố Hữu mang tính dân tộc đậm đà trong nghệ thuật biểu hiện

- Về thể thơ: Tố Hữu sử dụng nhiều thể thơ, nhưng thành công hơn cả là thể thơ truyền thống của dân tộc (lục bát), còn những bài thơ theo thể thất ngôn thì trang trọng nhưng không khuôn sáo mà giàu cảm xúc.

- Về ngôn ngữ: thơ Tố Hữu sử dụng từ ngữ, cách nói so sánh, ví von quen thuộc của dân gian. Tố Hữu sử dụng tài tình các từ láy, các thanh điệu, các vần để phát huy cao độ tính nhạc phong phú của tiếng Việt.

B. TÁC PHẨM

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

- Được xem là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam.
- Thơ Tố Hữu phản ánh những chặng đường lịch sử của đất nước.

- Dù viết về những sự kiện chính trị nhưng thơ ông không khô khan mà trái lại giàu chất trữ tình.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác Việt Bắc

- Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi, tháng 7-1954, hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết. Hòa bình lập lại, miền Bắc nước ta được giải phóng và bắt tay vào sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới. Một trang sử mới của đất nước ta được mở ra.

- Tháng 10-1954, các cơ quan Trung ương đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về Hà Nội. Tố Hữu sáng tác bài thơ trong hoàn cảnh có tính lịch sử ấy.

- Bài thơ được in trong tập thơ “*Việt Bắc*”, là đỉnh cao của thơ Tố Hữu, là tác phẩm xuất sắc của văn học thời kì chống Pháp.

b. Vị trí đoạn trích

Đoạn thơ này nằm ở phần đầu của tác phẩm – tái hiện những kỉ niệm cách mạng và kháng chiến.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

- <i>Mình về mình có nhớ ta</i> <i>Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.</i> <i>Mình về mình có nhớ không</i> <i>Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?</i>	1. Lời Việt Bắc <u>a. Tám câu đầu: Khung cảnh chia tay và tâm trạng của con người.</u> ❖ Lời hỏi của VB: Bốn câu đầu. - Nghệ thuật: + Xưng hô “<i>Mình – ta</i>”: quen thuộc trong ca dao khiến cho cuộc chia tay lịch sử giữa VB với CBCM giống như cuộc chia tay của những đôi lứa yêu nhau; khiến cho chuyện nghĩa tình CM, chuyện ăn quả nhớ người trồng cây, uống nước nhớ nguồn đã hòa thành chuyện riêng của đôi lứa gửi trao khi tạm phải chia xa. → tạo không khí trữ tình. + Điệp từ “<i>nhớ</i>” (bốn lần) → tăng dần nỗi nhớ về cội nguồn. + Hai câu hỏi tu từ: “<i>Mình về mình có nhớ ta</i>”, “<i>Mình về mình có nhớ không</i>” → tâm trạng băn khoăn của người ở lại. - Nội dung: + “<i>Mười lăm năm</i>”: tính từ khởi nghĩa Bắc
--	--

	Sơn năm 1940 đến tháng 10 năm 1954 → thời gian gắn bó giữa VB với CBCM. + “<i>thiết tha mặn nồng</i>” → thủy chung, sâu nặng, keo sơn, gắn bó. + Câu 4: “<i>Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn</i>” → nguồn cội của CM. => <i>Bốn câu đầu gợi nhớ về một thời CM và một vùng CM.</i>
- Tiếng ai tha thiết bên cồn Băng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi Áo chàm đưa buổi phân li Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...	❖ <i>Bốn câu sau: Lời đáp của người ra đi.</i> - Một “<i>tiếng ai</i>” nghe băng khuâng, xao xuyên đến lạ lùng. - Những từ ngữ: “<i>tha thiết</i>”, “<i>băng khuâng</i>”, “<i>bồn chồn</i>” - Cử chỉ “<i>cầm tay nhau</i>”. - Cách ngắt nhịp 3/3/2 - Dấu ba chấm (...) → Sự xúc động, nghẹn ngào, không nói nên lời của người cán bộ từ giã VB về xuôi. - Hình ảnh “<i>áo chàm</i>” (hoán dụ) → màu áo nghèo khổ, bình dị của người dân VB, họ là những con người tuy “<i>hắt hiu lau xám</i>” nhưng luôn “<i>đậm đà lòng son</i>”. Chính màu áo ấy đã góp phần làm nên chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Pháp lòng lẫy năm châu chấn động địa cầu. → tình cảm sâu nặng của đồng bào VB đối với cán bộ. => <i>Khúc dạo đầu của bản tình ca về nỗi nhớ.</i>
- <i>Mình đi, có nhớ những ngày Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù</i>	<u>b. 12 câu tiếp: Lời VB.</u> Lời VB gợi nhớ về VB. Nhớ về VB là nhớ về: - Nhớ về khí hậu khắc nghiệt. Những ngày tháng vất vả, cực khổ, gian nan của CBCM với người dân VB trong buổi đầu của cuộc kháng chiến. (ẩn dụ) - Nhớ về những tháng ngày thiếu thốn

Mình về, có nhớ chiến khu Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai? Mình về, rừng núi nhớ ai Trám bùi để rụng, măng mai để già Mình đi, có nhớ những nhà Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son Mình về, còn nhớ núi non Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh Mình đi, mình có nhớ mình Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa?	nhưng quyết tâm cao độ. - Thiên nhiên nặng nghĩa nặng tình với người nên người đi rồi thiên nhiên cũng mang nỗi buồn trống vắng. (nhân hóa) - Nhớ về con người VB tuy nghèo khổ nhưng nặng nghĩa nặng tình. - Gọi nhớ về địa danh lịch sử và sự kiện lịch sử (liệt kê): + Phong trào kháng Nhật khi Nhật vào xâm lược nước ta (1940). + Phong trào Việt Minh (1941) → Hai phong trào lớn mạnh góp phần làm nên những chiến thắng vẻ vang sau này. + Cây đa Tân Trào: nơi làm lễ xuất quân của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944) + Mái đình Hồng Thái –nơi diễn ra cuộc họp Quốc dân Đại hội quyết định Tổng Khởi nghĩa Tháng Tám 1945. “Mình về, còn nhớ núi non Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh Mình đi, mình có nhớ mình Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa?” => Bốn câu thơ khẳng định VB là cái nôi của CM đã làm nên những thiên sử vàng của CM VN.
- Ta với mình, mình với ta Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh Mình đi, mình lại nhớ mình Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu...	2. Lời cán bộ về xuôi: <u>a. Khẳng định tấm lòng thủy chung son sắt</u> - Những từ ngữ “sau trước”, “mặn mà”, “đinh ninh”, “nghĩa tình” + phép điệp “mình – ta”: xoắn xuýt, hòa quyện vào nhau → tình cảm chung thủy, sâu nặng, bền chặt của cán bộ CM với người dân VB. - Khẳng định nghĩa tình CM thủy chung không bao giờ rời rạc: “ Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu”.(so sánh) => Những câu thơ vừa gọi nhắc đến những kỉ niệm kháng chiến vừa gọi nhắc

	cho họ trách nhiệm đối với ân nghĩa CM.
Nhớ gì như nhớ người yêu Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương Nhớ từng bản khói cùng sương Sớm khuya bếp lửa người thương đi về. Nhớ từng rừng nứa bờ tre Ngòi Thia sông Đáy, suối Lê vơi đầy Ta đi, ta nhớ những ngày Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi... Thương nhau, chia củ sắn lùi Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng Nhớ người mẹ nắng cháy lưng Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô Nhớ sao lớp học i tờ Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan Nhớ sao ngày tháng cơ quan Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo. Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều Chày đêm nện cối đều đều suối xa...	<u>b. Nhớ thiên nhiên, con người sống ở VB:</u> - So sánh: “<i>như nhớ người yêu</i>”: nỗi nhớ cồn cào, da diết. - Điệp cấu trúc: “<i>nhớ gì</i>”, “<i>nhớ từng</i>”, “<i>nhớ người</i>”, “<i>nhớ sao</i>” → khẳng định người ra đi không quên bất cứ hình ảnh nào về thiên nhiên và con người VB: ❖ Nhớ về thiên nhiên VB: • Nhớ ánh trăng buổi tối. • Nhớ ánh nắng ban chiều. • Ánh lửa hồng sớm khuya. • Từng bản làng ẩn hiện trong sương mù. • Nhớ từng tên núi, tên rừng, tên sông, tên suối. => <i>Những cảnh vật đơn sơ, bình dị nhưng ko hìu quạnh mà thơ mộng, ấm áp. → Tình yêu thiên nhiên, tâm hồn gắn bó với cảnh với người.</i> ❖ Nhớ về con người VB: • Chia từng củ sắn, miếng cơm, từng chiếc chăn nhỏ bé. • Nhớ người mẹ lên nương sản xuất để nuôi cán bộ, phục vụ kháng chiến. • Nhớ những lớp bình dân học vụ. • Nhớ những buổi liên hoan văn nghệ. • Nhớ âm thanh hữu tình, đặc trưng của VB → <i>Người VB sâu nặng, nghĩa tình, hi sinh thầm lặng, lạc quan, yêu đời.</i>
Ta về, mình có nhớ ta Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.	<u>c. Những kỉ niệm về thiên nhiên, con người VB qua bức tranh bốn mùa (Bức tranh tứ bình)</u> ❖ <i>Hai câu đầu:</i> - Lời hỏi của người ra đi: “<i>Ta về, mình có nhớ ta</i>”. → Thể hiện sự băn khoăn của người ra đi.

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.

Ve kêu rừng phách đổ vàng

→ Hỏi để tạo cơ hội bày tỏ nỗi nhớ về “*hoa cùng người*”: thiên nhiên và con người VB. “*hoa cùng người*” → thiên nhiên và con người gắn kết với nhau trong mối quan hệ song hành.

❖ *Tám câu sau:*

+ Thiên nhiên: được sử dụng bút pháp chấm phá trong thơ Đường gọi là tả.

- Màu đỏ tươi của hoa chuối rừng. → giống như ngọn đuốc.

=> Ba màu hòa trộn với nhau làm cho thiên nhiên VB trở nên tươi sáng, ấm áp như tiềm ẩn một sức sống, xua đi cái hoang sơ, lạnh giá, hiu hắt của núi rừng VB.

- “*đào cao*” → mạnh mẽ, hiên ngang, con người làm chủ, chế ngự thiên nhiên.

- Bức tranh mùa xuân:

- Động từ “*nở*” nằm giữa câu súc

Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Rừng thu trắng rọi hoà bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung

- Bức tranh mùa Xuân:

+ Thiên nhiên: sức sống của mùa xuân như lan tỏa và tràn đầy nhựa sống, trắng cả thời gian (*ngày xuân*), trắng cả không gian (*trắng rừng*)

+ Con người trong công việc lao động nhẹ nhàng “*đan nón*”.

++ Động từ “*chuốt từng*” → tỉ mỉ, cần cù, siêng năng và khéo léo, tài hoa.

- Bức tranh mùa hạ:

+ Thiên nhiên: có sự kết hợp giữa âm thanh và hình ảnh trong chuỗi vận động liên hoàn: “*ve kêu*” → gọi mùa hè → “*rừng phách đổ vàng*”.

++ Động từ “*đổi*” → diễn tả tài tình và chính xác sự chuyển biến mau lẹ của sắc màu. Cuối xuân, cả rừng phách còn là màu xanh bạt ngàn, khi bản đàn ve vừa dạo khúc ca đầu tiên của mùa hè thì những nụ hoa đồng loạt trở bông, cả rừng phách lại lóng lánh sắc vàng.

+ Con người: trong công việc “*hái măng*”.

++ Cách gọi “*cô em gái*”→ gần gũi, thân thương.

++ Cụm từ “*mãng một mình*” → sự hi sinh
thâm lặng → tạo ra tính nhạc → dù một
mình hái măng giữa rừng sâu nhưng cô gái
ko hề cô đơn mà trái lại rất lạc quan.

- Bức tranh mùa thu:

+ Thiên nhiên: vẻ đẹp của vàng trắng biểu tượng cho hoà bình, hạnh phúc → nét đặc trưng của núi rừng VB → gợi nhớ những đêm thao thức vì bàn việc quân.

+ Con người: cất cao tiếng hát → lạc quan, yêu đời và ân tình, thủy chung.

=> Cảnh và người có sự kết hợp hài hoà. Bức tranh bốn mùa phá lệ trình tự thông thường. Mở ra mùa đông và kết thúc vào

	<i>mùa thu. Mùa đông khắc nghiệt gợi nhớ những gian khổ của buổi đầu kháng chiến, nhớ tới mùa đông 1946. Kết thúc là mùa thu mùa của CM thắng lợi.</i>
Nhớ khi giặc đến giặc lùng Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây Núi giăng thành lũy sắt dày Rừng che bộ đội rừng vây quân thù Mênh mông bốn mặt sương mù Đất trời ta cả chiến khu một lòng. Ai về ai có nhớ không? Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng Nhớ từ Cao-Lạng nhớ sang Nhị Hà...	<u>d. Nhớ chặng đường kháng chiến ở chiến khu VB</u> ❖ <i>Buổi đầu gian khổ của cuộc kháng chiến</i> - Lực lượng ta còn yếu phải rút vào hoạt động bí mật: “<i>Nhớ khi... giặc lùng</i>” - Nhưng ta có địa thế thuận lợi: “<i>Núi giăng....rừng vây quân thù</i>” - Có sự đoàn kết, một lòng: “<i>Mênh mông...một lòng</i>” → Những thắng lợi bước đầu: <i>“Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng Nhớ từ Cao-Lạng nhớ sang Nhị Hà...”</i> NT: điệp từ “<i>nhớ</i>” + liệt kê các địa danh: <i>Phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, phố Ràng, Cao-Lạng, Nhị Hà</i> → Niềm vui sướng, tự hào trước những thắng lợi của cuộc kháng chiến.
Những đường Việt Bắc của ta Đêm đêm rầm rập như là đất rung Quân đi điệp điệp trùng trùng Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan Dân công đỏ đuốc từng đoàn Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay. Nghìn đêm thăm thẳm sương dày Đèn pha bật sáng như ngày mai lên. Tin vui chiến thắng trăm miền Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về Vui từ Đồng Tháp, An Khê Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.	❖ <i>Nhớ chặng đường giải phóng và chiến thắng.</i> - Các từ láy “<i>rầm rập</i>”, “<i>điệp điệp</i>”, “<i>trùng trùng</i>” → sức mạnh của quân ta làm rung động cả trời đất → sức mạnh của toàn dân. - Hình ảnh “<i>ánh sao đầu súng</i>” → ánh sáng của niềm tin, của lý tưởng. - Hình ảnh đoàn dân công với “<i>bước chân nát đá</i>” → sức mạnh của quần chúng nhân dân. - Cụm từ “<i>thăm thẳm sương dày</i>” → những ngày gian lao của cuộc kháng chiến. - Cụm từ “<i>đèn pha bật sáng</i>” → tương lai tươi sáng của đất nước.

	- Chiến công tung bừng vang dội: <i>“Tin vui chiến thắng trăm miền Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về Vui từ Đồng Tháp, An Khê Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.”</i> NT: điệp từ “vui” + liệt kê các địa danh: <i>Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên, Đồng Tháp, An Khê, Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.</i> => <i>Đoạn thơ tràn ngập ánh sáng: ánh sao, ánh đuốc, ánh đèn pha → ánh sáng của niềm tin. Nhịp thơ dồn dập, gấp gáp, âm hưởng hào hùng tạo thành khúc ca chiến thắng.</i>
Ai về ai có nhớ không? Ngon cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang. Nắng trưa rực rỡ sao vàng Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công Điều quân chiến dịch thu đông Nông thôn phát động, giao thông mở đường Giữ đê, phòng hạn, thu lương Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu... Ở đâu u ám quân thù Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi Ở đâu đau đớn giống nòi Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền. Mười lăm năm ấy ai quên Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa Mình về mình lại nhớ ta Mái đình Hồng Thái cây đa Tân Trào.	<u>e. Niềm tin ở kháng chiến và tương lai</u> -VB là căn cứ địa CM vững chắc của cuộc kháng chiến nơi TW và Bác quyết định các chủ trương kháng chiến. - Khẳng định vị trí quan trọng của VB, lòng tin của toàn dân, toàn Đảng đối với vị lãnh tụ kính yêu.